TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Trần Anh Dũng

***-Thư ký phiên tòa*:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 80/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty TNHH S.

Địa chỉ: thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 7, đường D, Cụm C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Thanh H, sinh năm 1972; địa chỉ liên hệ: số H hẻm C Xa lộ H, khu phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2025). (có mặt)

-*Bị đơn:* Công ty TNHH S1.

Địa chỉ: lô A, A, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: lô J đường N, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Tsoi Tung Leung T; địa chỉ liên lạc: lô A, A4, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty K Tổng Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH S1 (sau đây viết tắt là Công ty S1) là đối tác của nhau trong quá trình sản xuất, kinh doanh từ nhiều năm nay. Trong quá trình hợp tác, Công ty S nhiều lần bán cho Công ty Lợi Hào các mặt hàng là lò xo các loại nhiều kích thước quy cách khác nhau, là nguyên liệu, phụ kiện để Công ty S1 sản xuất ghế sofa và ghế văn phòng. Các bên có ký hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số LH-HĐ202401/HĐMB vào ngày 01/08/2024 (Có hiệu lực từ 01/08/2024 đến 01/08/2025) và số LH-HĐ202501/HĐMB vào ngày 01/08/2025 (Có hiệu lực từ 01/08/2025 đến 01/08/2026), các bên đã căn cứ theo hợp đồng để thực hiện việc đặt hàng, giao hàng, đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn, thanh toán.

Từ khoảng tháng 04/2025 đến tháng 09/2025, Công ty S1 đã nhiều lần mua hàng của Công ty S với tổng giá trị là 14.638.907.147đồng, các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xuất 15 hóa đơn cụ thể như sau:

1. Hóa đơn giá trị gia tăng số 204 ngày 02/04/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo cong (03 hạng mục) số tiền: 18.255.494đồng.

2. Hóa đơn giá trị gia tăng số 206 ngày 05/04/2025 thể hiện: Mặt hàng: Túi lò xo (01 hạng mục) số tiền: 5.283.278đồng.

3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 282 ngày 09/05/2025 thể hiện: Mặt Hàng: Lò xo (303 hạng mục) số tiền: 4.251.148.932đồng.

4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 273 ngày 08/05/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo cong và túi lò xo (03 hạng mục) số tiền: 58.002.296đồng.

5. Hóa đơn giá trị gia tăng số 344 ngày 03/06/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (241 hạng mục) số tiền: 3.369.165.362đồng.

6. Hóa đơn giá trị gia tăng số 353 ngày 10/06/2025 thể hiện: Mặt hàng: Túi lò xo và lò xo cong (02 hạng mục) số tiền: 7.736.964đồng.

7. Hóa đơn giá trị gia tăng số 363 ngày 13/06/2025 thể hiện: Mặt hàng: Túi lò xo và lò xo cong (03 hạng mục) số tiền: 103.373.248đồng.

8. Hóa đơn giá trị gia tăng số 399 ngày 23/06/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo cong (01 hạng mục) số tiền: 24.264.240đồng.

9. Hóa đơn giá trị gia tăng số 499 ngày 17/07/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (100 hạng mục) số tiền: 929.074.554đồng.

10. Hóa đơn giá trị gia tăng số 500 ngày 17/07/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (100 hạng mục) số tiền: 1.211.746.535đồng.

11. Hóa đơn giá trị gia tăng số 501 ngày 17/07/2025 thể hiện: Mặt hàng: lò xo, lò xo túi (98 hạng mục) số tiền: 1.081.897.704đồng.

12. Hóa đơn giá trị gia tăng số 534 ngày 25/07/2025 thể hiện: Mặt hàng: Túi lò xo, lò xo cong, thẳng (08 hạng mục) số tiền: 46.090.783đồng.

13. Hóa đơn giá trị gia tăng số 587 ngày 07/08/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (198 hạng mục) số tiền: 2.181.909.764đồng.

14. Hóa đơn giá trị gia tăng số 668 ngày 30/08/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (115 hạng mục) số tiền: 1.246.239.246đồng.

15. Hóa đơn giá trị gia tăng số 679 ngày 04/09/2025 thể hiện: Mặt hàng: Lò xo (11 hạng mục) số tiền: 104.718.746đồng.

Như vậy, tổng số tiền hàng mà Công ty S đã bán cho Công ty S1 là 14.638.907.147 đồng. Công ty S1 đã thanh toán hai đợt:

-Đợt 1: Vào ngày 18/8/2025: 1.000.000.000đồng.

-Đợt 2: Vào ngày 05/9/2025: 1.000.000.000đồng.

Công ty S1 còn nợ lại Công ty S số tiền là: 12.638.907.147đồng.

Mặc dù Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty S1 phải thanh toán số tiền công nợ đã phát sinh nói trên nhưng đến nay Công ty S1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Ngoài số tiền công nợ như trên, vì đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên Công ty S cũng yêu cầu Công ty S1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật.

Vì vậy, Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty S1 phải thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ là 12.638.907.147đồng.

2. Về tiền lãi chậm thanh toán: Yêu cầu Công ty S1 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 16/9/2025 cho đến khi tòa án xét xử dự kiến là ngày 16/03/2026, tạm tính như sau: (12.638.907.147đồng x 10%) x 6 tháng/12 tháng = 631.945.357đồng.

Tổng số tiến gốc và lãi tạm tính yêu cầu Công ty S1 phải thanh toán là: 13.638.907.147đồng + 631.945.357đồng = 13.270.852.504đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S1 theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty S1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty S 03 lần với tổng số tiền 2.500.000.000đồng vào các ngày 18/8/2025, 05/9/2025, 11/9/2025, số tiền chưa thanh toán là 12.138.907.147 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty S1 thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 12.492.958.605đồng, gồm có nợ gốc 12.138.907.147đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/9/2025 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 354.051.458đồng. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy

định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty S1 có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của các đương sự: tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty S1 thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 12.492.958.605đồng, gồm có nợ gốc 12.138.907.147đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/9/2025 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 354.051.458đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty S và Công ty S1 có quan hệ mua bán theo hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số: LH-HĐ202401/HĐMB vào ngày 01/08/2024 (Có hiệu lực từ 01/08/2024 đến 01/08/2025), và LH-HĐ202501/HĐMB vào ngày 01/08/2025 (Có hiệu lực từ 01/08/2025 đến 01/08/2026), theo đó Công ty S bán hàng hoá là lò xo sắt chữ S, các lò xo túi cho ghế sofa và linh kiện phục vụ cho ngành sofa cho Công ty S1, việc mua bán được thực hiện theo thỏa thuận của hai bên theo từng đơn hàng. Hợp đồng giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình mua bán, Công ty S đã giao hàng cho Công ty S1 và đã xuất tổng cộng 15 hoá đơn gồm số 204 ngày 02/04/2025, 206 ngày 05/04/2025, 282 ngày 09/05/2025, 273 ngày 08/05/2025, 344 ngày 03/06/2025, 353 ngày 10/06/2025, 363 ngày 13/06/2025, 399 ngày 23/06/2025, 499 ngày 17/07/2025, 500 ngày 17/07/2025, 501 ngày 17/07/2025, 534 ngày 25/07/2025, 587 ngày 07/08/2025, 668 ngày 30/08/2025, 679 ngày 04/09/2025 với tổng số tiền 14.638.907.147đồng. Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 2.500.000.000đồng vào các ngày 18/8/2025, 05/9/2025, 11/9/2025, số tiền chưa

thanh toán là 12.138.907.147đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty S1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đối với Công ty S. Vì vậy, việc Công ty S1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty S1 thanh toán số tiền còn nợ 12.138.907.147đồng là có cơ sở.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty S yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/9/2025 đến ngày xét xử là 354.051.458đồng. Tại khoản 4 Điều 5 của hợp đồng, hai bên có thỏa thuận: "*Nếu bên B chưa theo thời hạn thanh toán trong hợp đồng thanh toán, bên A có quyền ngưng cung cấp hàng, Nếu thời hạn phải thanh toán của Bên B vượt quá một tháng, Bên A sẽ thu lãi suất trả chậm vi phạm hợp đồng là 0.05%/ngày và đồng thời tính từ ngày vi phạm…*". Như vậy, theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi chậm thanh toán là 0,05%/ngày tương ứng là 1,5%/tháng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Do đó, việc Công ty S yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tương ứng là 0,83%/tháng với số tiền tính đến ngày xét xử là 354.051.458đồng là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 12.492.958.605đồng, tương đương số tiền án phí 120.492.959đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH S1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 12.492.958.605đồng (Mười hai tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm lẻ năm đồng), gồm có nợ gốc 12.138.907.147đồng, tiền lãi chậm thanh toán 354.051.458đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải nộp số tiền 120.492.959đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 60.635.426đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021760 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung